**Ngày soạn: 25/09/2023**

**TIẾT 17: THIÊN TRƯỜNG VÃN VỌNG**

Trần Nhân Tông

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- HS nhận biết được bố cục, niêm, luật bằng trắc của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật thể hiện trong bài thơ.

- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của bức tranh cuộc sống bình yên, thơ mộng nơi làng quê trong buổi hoàng hôn; từ đó cảm nhận được vẻ đẹp tầm hồn của tác giâ - một vị hoàng đế - thi nhân.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thiên trường vãn vọng.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Biết ơn và tự hào về các thế hệ trước; biết trần trọng, gìn giữ di sản văn hoá mà ông cha để lại.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Kế hoạch bài dạy

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về nhà văn, tác phẩm

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8 tập 1, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Cách 1. GV cho HS xem video về phủ Thiên trường và dẫn vào bài**

**Cách 2: GV đặt câu hỏi và gợi dẫn vào bài:** Em có thích ngắm cảnh hoàng hôn không?

***- GV dẫn dắt vào bài mới theo cách 1:*** Bài học hôm nay chúng ta sẽ học tác phẩm thơ của một vị vua yêu nước, có công lớn trong công cuộc chống ngoại xâm, đồng thời cũng là nhà văn hóa, nhà thơ tiêu biểu của đời Trần và liên quan đến địa danh Thiên Trường- một địa danh nổi tiếng và thơ mộng. Chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay qua văn bản **“Thiên trường vãn vọng”- Trần Nhân Tông.**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc - tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Sử dụng chiến lược: **theo dõi, dự đoán và đối chiếu**- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS theo dõi sgk- GV quan sát, hỗ trợ**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**- GV nhận xét, đánh giá**Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HStìm hiểu về tác giả và tác phẩm.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trả lời câu hỏi- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  | **I. Đọc- Tìm hiểu chung****1. Đọc**- Đọc to, rõ ràng, diễn cảm. Chú ý cách ngắt nhịp, gieo vần của các câu thơ.- Sử dụng chiến lược: **theo dõi, dự đoán và đối chiếu****2. Tìm hiểu chung****a. Tác giả:** - Trần Nhân Tông (1258 – 1308), vị vua thứ ba của nhà Trần.- Ông là vị hoàng đế anh minh lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng hai cuộc xâm lược của quân Nguyên và khôi phục nền kinh tế, văn hóa Đại Việt.- Ông là vị thiền sư sáng lập dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, đồng thời là một tác giả có đóng góp quan trọng cho nền văn học dân tộc.- Đặc điểm thơ:+ Tràn đầy cảm hứng yêu nước và hào khí Đông A; cảm xúc rất tinh tế, lãng mạn, sâu sắc mà vẫn gần gũi, thân thuộc.+ Ngôn ngữ thơ hàm súc; hình ảnh thơ vừa chân thực, bình dị vừa giàu ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng.+ Luôn thể hiện cái nhìn trìu mến, nâng niu; tình cảm gắn bó với cảnh sắc thiên nhiên đất nước và cuộc sống của nhân dân.**b. Tác phẩm****- Hoàn cảnh sáng tác**: Khoảng những năm 90 của thế kỉ XIII. Sáng tác trong dịp Trần Nhân Tông về thăm phủ Thiên Trường**- Thể thơ**: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật**- Bố cục**: 2 phần:+ 2 câu đầu: Cảnh thiên nhiên+ 2 câu sau: Bức tranh cuộc sống |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Khám phá được

- Đặc điểm thi luật của thể thơ thất ngôn tứ thuyệt Đường luật được thể hiện trong bài thơ

- Phân tích được bức tranh thiên nhiên, bức tranh cuộc sống và tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****GV tổ chức hoạt động nhóm bàn (**hoàn thành PHT)- Tìm hiểu đặc điểm thi luật của thể thơ trong “Thiên Trường vãn vọng”- Thời gian: 5 phút**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS thảo luận và báo cáo sản phầm- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  | **II. Khám phá văn bản****1. Đặc điểm thi luật của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật được thể hiện trong bài thơ****\* Luật bằng trắc:**- Luật trắc- Các thanh bằng trắc đan xen nhau (2,4,6)🡪 Tạo nên một khung cảnh làng quê Thiên Trường yên bình với những nét vẽ đơn sơ nhưng lại giàu sức gợi tả🡪 Làm nổi bật lên cảm xúc của tác giả bao trùm lên bài thơ**\* Niêm** (cùng thanh): Các câu thơ trong bài có sự hài hòa về thanh bằng, thanh trắc. **\* Vần, nhịp:** Bài thơ gieo vần “ên-iên” ở các chữ cuối của các câu 1,2,4 – thanh bằng, chủ yếu ngắt nhịp 2/2/3 chậm rãi |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:****GV đặt câu hỏi gợi dẫn:****+** Cảnh vật ở hai câu thơ đầu được tái hiện vào khoảng thời gian nào? Chỉ ra mối liên hệ giữa thời gian và các hình ảnh được miêu tả.+ Để tái hiện khung cảnh thiên nhiên ở hai câu thơ đầu, tác giả đã sử dụng những thủ pháp nghệ thuật gì?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS trả lời câu hỏi**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS báo cáo kết quả, nhận xét.**Bước 4: Kết luận, nhận định.**GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.**GV mở rộng kiến thức:*****“Bán vô bán hữu tịch dương biên”******Dịch:*** *“Bóng chiều dường có lại dường không”***đạm**, **hữu**, **vô**, **tự**, **bán**🡪 Đậm triết lý thiền (Trong *vô* có *hữu*, trong *hữu* có *vô)*Đạm (nhạt) ; hữu (có); vô (không); tự (tựa); bán (nửa). Ở hai câu thơ đầu tác giả đã sử dụng “đạm”, “hữu” và “vô” cùng các “tự” và “bán” tạo ra trạng thái mang đầy màu sắc Thiền. Những khái niệm này cũng là những khái niệm cơ bản của triết học Thiền. Đạo Thiền chủ trương “trung đạo” (đạo ở giữa), không phải cũng không trái, xóa bỏ ranh giới giữa ta và vật, giữa vô và hữu, giữa “thực tướng” và “giả tướng”,…. Nhà thơ Thiền Trần Nhân Tông đã “vong ngã” hòa nhập vào  trạng thái “đạm” (mờ nhạt) giữa vô và hữu của sương khói, và tan luôn vào cái “bán vô” “bán hữu”\_nửa như có, nửa như không bên ánh tà dương. Như vậy cảnh vật ở đây dường như là “vô” có cái “hữu” trong cái “hữu”, lại có cái “vô”. | **2. Hai câu đầu: Cảnh thiên nhiên** - **Thời gian:** buổi chiều tà - **Khung cảnh**: “trước xóm sau thôn” “mờ mờ như khói phủ”. + “Khói” * Làn sương mỏng nhẹ buông xuống lúc hoàng hôn
* Sương pha cùng khói lam chiều tỏa ra từ những mái rạ trong thôn

- Cảnh hoàng hôn mờ ảo, nơi thì nắng nhạt dần, nơi thì nắng tắt khiến cho bóng chiều bảng lảng “nửa như có, nửa như không”. Thời gian vô hình được hữu hình hóa qua sự biến đổi của cảnh vật.🡪 Bằng nghệ thuật tả thực, phép đối, điệp ngữ, hai câu đầu đã tái hiện bức tranh thiên nhiên độc đáo, mơ hồ như một bức tranh êm đềm với không khí tĩnh lặng của cảnh quê, đậm sắc thái thiền.🡪 Sự gắn bó, cảm nhận tinh tế cùng với dáng vẻ thư thái, tự tại trước không gian trải rộng từ xa đến gần, từ toàn cảnh đến cận cảnh(“vãn vọng” – “thôn trước, thôn sau”) |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:****GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** **+** Những hình ảnh ở hai câu thơ cuối đã gợi lên bức tranh cuộc sống như thế nào?+ Bài thơ tái hiện cảnh vật và cuộc sống và con người trong nhiều khoảng không gian. Em hãy chỉ ra khoảng không gian đó theo trình tự miêu tả trong bài thơ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS trả lời câu hỏi**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS báo cáo kết quả, nhận xét.**Bước 4: Kết luận, nhận định.**GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.**GV mở rộng**: Biểu tượng mang đậm triết lí thiền**+ Tiếng sáo** là hiện thân của cuộc sống mục đồng, âm điệu gợi lên sự trở về với trạng thái hồn nhiên, thanh thản. **+ Con trâu** là biểu tượng của chân tâm hồn thuần**+ Cánh cò** bay từ cao xuống thấp thể hiện sự kết nối giữa trời và đất, giữa âm và dương.🡺 Sự nhẹ nhàng của các thần tiên siêu thoát trút bỏ sức nặng của cõi trần, ngoài ra nó còn biểu trưng cho sức mạnh và sự sống**GV tổ chức thảo luận nhóm đôi: Câu kết trong bài thơ tứ tuyệt Đường luật thường để lại dư âm. Hãy cho biết câu kết trong “Thiên Trường vãn vọng” có thể gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì?**- Vẻ đẹp của cuộc sống thanh bình: Câu thơ gợi khung cảnh đồng quê bình yên, mở ra liên tưởng về những vụ mùa no ấm, về sự sin sôi nảy nở, nhịp sống bình yên quý giá sau những năm tháng chống quân Nguyên xâm lược.- Vẻ đẹp của tâm hồn tác giả được thể hiện qua tình yêu thương bao trùm vạn vật; thái độ nâng niu, trân trọng vẻ đẹp bình dị của đời thường; niềm hạnh phúc trước cuộc sống thanh bình của nhân dân. | **3. Hai câu cuối: Bức tranh cuộc sống**- **Hình ảnh**: mục đồng thổi sáo; đàn trâu, cò trắng liệng xuống đồng- **Âm thanh**: sáo vẳng - **Không gian trải dài**: theo con đường mục đồng “lùa trâu”; không gian nối từ cao xuống thấp theo những đôi cò trắng liệng.🡪 Bức tranh có âm thanh, màu sắc, gợi lên cảnh vật bình dị, quen thuộc của làng quê Việt Nam thanh bình, dân dã, đầy sức sống. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:****GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Theo em, qua bức tranh thiên nhiên và cuộc sống được tái hiện trong bài thơ, tác giả đã bộc lộ tình cảm, cảm xúc gì?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS trả lời câu hỏi**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS báo cáo kết quả, nhận xét.**Bước 4: Kết luận, nhận định.**GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **4. Tâm trạng, cảm xúc của chủ thể trữ tình**- Cái nhìn “vãn vọng” : của vị vua – thi sĩ.- Tâm hồn: gắn bó với cuộc sống bình dị.- Xúc cảm: sâu lắng.🡪 Tình yêu thương, thái độ trân trọng dành cho thiên nhiên, con người, cuộc sống.🡪 Niềm vui, hạnh phúc trước vẻ đẹp thanh bình của cuộc sống đời thường. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trả lời câu hỏi- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  | **III. Tổng kết****1. Nghệ thuật:**- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật- Nhịp thơ êm ái, hài hòa- Sử dụng ngôn ngữ miêu tả đậm chất hội họa**2. Nội dung**Bài thơ thể hiện hồn thơ thắm thiết với quê hương, đất nước của vị vua anh minh, tài đức Trần Nhân Tông |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***-* GV yêu cầu HS: :** Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) trình bày cảm nhận của em về nhan đề hoặc một hình ảnh đặc sắc trong bài thơ “Thiên Trường vãn vọng”.

**Đoạn văn tham khảo**

 Trong văn học trung đại bên cạnh đề tài thể hiện tình yêu đất nước, tự hào về truyền thống anh hùng của dân tộc thì còn có những bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu cảnh vật. Tình cảm đó được thể hiện rõ nét trong hai câu đầu bài thơ Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra của Trần Nhân Tông.

*Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên*

*Bán vô bán hữu tịch dương biên*

Cảnh vật hiện ra không rõ nét, nửa hư nửa thực, mờ ảo. Đó là cảnh chiều muộn cảnh vật nhạt nhòa trong sương, thể hiện vẻ đẹp mơ màng, yên tĩnh nơi thôn dã. Cảnh đó một phần là thực một phần do cảm nhận riêng của tác giả. Khung cảnh vừa như thực lại vừa như cõi mộng “bán vô bán hữu” – nửa như có nửa như không. Thời gian buổi chiều gợi nên nỗi buồn man mác, không gian làng quê im ắng, tĩnh mịch. Điều đó cho thấy một tâm hồn tinh tế nhạy cảm trước vẻ đẹp giản dị của cuộc sống.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề, củng cố bài học

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV tổ chức hoạt động “tưởng tượng văn học”:** Em hãy vẽ lại bức tranh buổi chiều ở Phủ Thiên Trường theo tưởng tượng của mình.

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: 25/09/2023**

**TIẾT: 18 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT ĐẢO NGỮ**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- HS nhận biết được đặc điểm và hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ để vận dụng vào các hoạt động đọc, viết, nói và nghe

**2. Năng lực**

 **a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

 **b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất**

- Thái độ học tập nghiêm túc.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV tổ chức trò chơi: SẮP XẾP TỪ**

Cho các từ sau, hãy sắp xếp thành những câu có nghĩa: Các từ: xe, chuyến, nập, tấp, đường, những, qua, trên.

+ Trên đường, những chuyến xe qua tấp nập.

+ Những chuyến xe qua tấp nập trên đường.

+ Tấp nập trên đường, những chuyến xe qua.

GV đưa 3 ví dụ và yêu cầu HS phân tích 🡪 chỉ ra sự khác biệt giữa các thành phần 🡪 ví dụ thứ 3 là đảo ngữ.

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** Chúng ta vừa trải qua một phần chơi nhỏ những rất thú vị, cô thấy các em rất sáng tạo và thông minh. Cô nghĩ, bài học hôm nay sẽ không khó đối với lớp mình, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay nhé!

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**  HS tìm hiểu kiến thức về đảo ngữ (đặc điểm, tác dụng và phân loại)

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ****Thao tác 1**: Tìm hiểu về đặc điểm, tác dụng của BPTT đảo ngữ- GV đưa ví dụ minh họa và hướng dẫn học sinh tìm hiểu. + Hãy chỉ ra các cụm từ có sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ trong hai câu thơ trên và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong mỗi câu thơ.+ Qua việc phân tích ví dụ, em hãy cho biết thế nào là đảo ngữ, đảo ngữ có tác dụng gì?**Thao tác 2:** Phân loại đảo ngữ- GV đặt câu hỏi gợi dẫn: + Dựa vào SHS, em hãy cho biết đảo ngữ được phân thành mấy loại, lấy ví dụ cụ thể.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  | **I. Hình thành kiến thức****1. Đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ.****Ví dụ:***“Tìm nơi thăm thẳm rừng sâu**Bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban”*- Đảo tính từ ***thăm thẳm*** lên trước cụm từ ***rừng sâu***🡪 Nhấn mạnh không gian hoang vắng, nguyên sơ của rừng già- Vị ngữ: ***bập bùng, trắng*** được đảo lên trước chủ ngữ: ***hoa chuối, hoa ban***🡪 Làm nổi bật màu đỏ của những bông hoa chuối rừng như ngọn lửa giữa ngàn xanh và không gian tràn ngập sắc trắng của hoa ban.**a. Khái niệm:** Biện pháp tu từ đảo ngữ được tạo ra bằng cách thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu**b. Tác dụng:** + Nhấn mạnh các đặc điểm (màu sắc, đường nét…), hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng.+ Gợi rõ hơn hoặc bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói)**2. Phân loại đảo ngữ****a. Đảo ngữ của các thành phần có trong câu**Ví dụ: + **Câu đúng**: “Bóng những nhịp cầu sắt uốn cong, vắt qua dòng sông lạnh đã hiện ra”+ **Câu đảo ngữ:** “Đã hiện ra bóng những nhịp cầu sắt uốn cong, vắt qua dòng sông lạnh”🡪 Đảo vị ngữ lên trước chủ ngữ🡪 Nhằm gợi tả rõ bức tranh cảnh vật đồng thời nhấn mạnh sự xuất hiện của sự vật đang được miêu tả.**b. Đảo ngữ các thành tố cụm từ**Ví dụ: **+ Cụm từ đúng:** “Đồi nương biếc” **+ Cụm từ đảo ngữ:** “Biếc đồi nương” 🡪 Đảo ngữ các thành tố🡪 Nhằm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự vật được nói tới. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng được những tri thức đã biết để giải các bài tập về đảo ngữ

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập 1,3**GV tổ chức Hoạt động nhóm (**bài tập 2)- Hình thức: theo bàn- Hoàn thành phiếu học tập sau- Thời gian: 3 phút**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS hoàn thành bài tập- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  | **Bài tập 1**a. 🡪 Cả hai câu thơ đều sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ *(lặn lội thân cò, eo sèo mặt nước).***🡪 Đảo thành tố trong cụm từ**b. 🡪 Cả hai câu thơ đều sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ *(xanh mát bóng cây, trắng cánh buồm bay).***🡪 Đảo thành tố trong cụm từ**c. 🡪 Câu văn thứ hai sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ *(sấp ngửa, chị chạy vào cổng; vội vàng chị vào trong nhà).***🡪 Đảo thành phần trong câu (Đảo VN lên trước CN)****Bài tập 2****a**. Cả 4 câu thơ đều sử dụng BPTT đảo ngữ**b.** – **Câu 1**.Từ *lom khom* lẽ ra đặt sau cụm từ *tiều vài chú* và từ *tiều* đặt sau *vài chú,* nhưng ở đây lại được tác giả đảo vị trí lên trước🡪 Có tác dụng nhấn mạnh tư thế, hình dáng nhỏ bé của con người, từ đó làm nổi bật lên khung cảnh hùng vĩ, hiểm trở của Đèo Ngang.- **Câu 2**: Từ *lác đác* phải đặt sau cụm từ *chợ mấy nhà* và từ *chợ* đặt sau cụm từ *mấy nhà,* nhưng ở đây lại được đảo vị trí lên trước🡪 Nhấn mạnh số lượng ít ỏi và sự thưa thớt của những ngôi nhà; từ đó gợi không khí vắng vẻ, hoang sơ của núi rừng.- **Câu 3,4**: Cụm từ *nhớ nước, đau lòng, thương nhà, mỏi miệng* được đảo vị trí🡪 Có tác dụng thể hiện nỗi niềm hoài cổ - nhớ tiếc quá khứ vàng son đã trôi qua và tâm trạng hoài hương - nhớ gia đình, quê hương.**Bài tập 3****a.** Các từ ngữ *bỏ nhà, lơ xơ, mất ổ, dáo dác* được đảo vị trí 🡪 Tác dụng nhấn mạnh tình cảnh bơ vơ, tan tác; tâm trạng hoang mang, sợ hãi của con người và vạn vật khi chiến tranh bất ngờ ập đến; thể hiện được nỗi buồn thương, đau đớn trước cảnh nước mất, nhà tan, nhân dân lầm than.**b.** Từ *leng keng* được đảo vị trí gợi ấn tượng về những âm thanh rộn rã, tươi vui của tiếng nhạc ngựa và thể hiện niềm vui trước nhịp sống bình yên, thân thuộc của quê hương.**c.** Các từ *ồn ào, tấp nập* được đảo vị trí có tác dụng nhấn mạnh không khí đông vui, nhịp sống sôi động nơi làng chài khi đón những con thuyền đầy ắp cá, bình yên trở về sau chuyến ra khơi. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV yêu cầu HS hoàn thành nhiệm vụ:**

1. Xây dựng một đoạn hội thoại với chủ đề tự chọn, trong đó có ít nhất một câu sử dụng biện pháp tu từ Đảo ngữ.

2. Sưu tầm những câu thơ, câu văn có sử dụng biện pháp tu từ Đảo ngữ và chỉ ra hiệu quả của nó.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: 25/09/2023**

**TIẾT 19 : CA HUẾ TRÊN SÔNG HƯƠNG**

Hà Ánh Minh

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được vẻ đẹp của ca Huế, hiểu giá trị của một sản phẩm văn hoá truyền thống được ông cha sáng tạo, gìn giữ và truyền lại.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Ca Huế trên sông Hương.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp HS có thái độ và hành động tích cực góp phần bảo tồn, phát triển di sản văn hóa dân tộc đặc sắc và độc đáo này.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Kế hoạch bài dạy

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về nhà văn, tác phẩm

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8 tập 1, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV cho HS xem video, nghe hát Ca Huế và dẫn vào bài học

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** Huế không chỉ được biết là vùng cố đô linh thiêng với những danh thắng đẹp, có giá trị lịch sử lâu đời mà còn có rất nhiều di sản văn hóa nổi tiếng. Trong đó có một thể loại được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đó chính là Ca Huế. Trong bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về hình thức trình bày cũng như ý nghĩa của làn điệu ca Huế qua văn bản Ca Huế trên sông Hương.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc - tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Sử dụng chiến lược: **theo dõi, dự đoán và đối chiếu**- Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS theo dõi sgk- GV quan sát, hỗ trợ**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**- GV nhận xét, đánh giá**Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HStìm hiểu về tác giả và tác phẩm.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trả lời câu hỏi- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  | **I. Đọc- Tìm hiểu chung****1. Đọc- chú thích**a. Đọc- Đọc với giọng diễn cảm, nhẹ nhàng.- Sử dụng chiến lược: **theo dõi, dự đoán và đối chiếu**b. Chú thích**- Ca Huế:** một thể loại âm nhạc cổ truyền của cố đô Huế**- Chèo cạn, bài thai, hò đưa linh, hò giã gạo, ru em, giã vôi, giã điệp, bài chòi, xay lúa, hò nện, lí con sáo, lí hoài xuân, lí hoài nam:** các làn điệu dân ca Huế**- Đàn tranh, đàn nguyệt, tì bà, nhị, đàn tam:** các loại nhạc cụ dân tộc. **- Lưu thủy, kim tiền, xuân phong, long hổ:** bốn khúc nhạc mở đầu đêm ca Huế.**- Ngón nhấn, mổ, vỗ, vả, ngón bấm, day, chớp, búng, ngon phi, ngón rãi**: các động tác của nhạc công khi biểu diễn với các loại đàn cổ.**- Nhạc cung đình, nhã nhạc:** nhạc dùng trong các buổi lễ tôn nghiêm của triều đình thời phong kiến.**- Ca nhạc thính phòng:** ca nhạc do một người hoặc một nhóm ít người biểu diễn trong không gian nhỏ.**2. Tìm hiểu chung****a. Tác giả:** Hà Ánh Minh**b. Tác phẩm****- Thể loại:**: Bút ký**- PTBĐ:**: Thuyết minh, tự sự, biểu cảm, miêu tả.**- Bố cục:**+ Phần 1: Từ đầu – *lí hoài nam* (Khái quát chung về ca Huế)+ Phần 2: Còn lại (Một đêm ca Huế trên sông Hương) |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Khám phá những khái quát chung về ca Huế và một đêm ca Huế trên sông Hương.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**+ Chỉ ra các điệu hò ca Huế được nhắc tới trong đoạn văn? Nêu nhận xét về các điệu hò ca Huế.+ Chỉ ra đặc điểm của ca Huế.+ Các điệu hò xứ Huế gắn bó như thế nào với cuộc sống của con người?**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trả lời câu hỏi- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  | **II. Khám phá văn bản****1. Giới thiệu chung về ca Huế****- Các điệu hò ca Huế***+ Hò khi đánh cá* *+ Hò lúc cấy cày**+ Chèo cạn**+ Bài thai**+ Hò đưa linh**+ Hò giã gạo**+ Hò lơ**+ Hò ô**+ Hò xay lúa**+ Hò nện**+ ....***🡺 Nghệ thuật liệt kê****🡺 Các điệu hò phong phú, đa dạng, mỗi điệu hò lại thể hiện những cảm xúc, tâm tình riêng****- Đặc điểm của các điệu hò Huế** + Thể hiện lòng khao khát, nỗi chờ mong, hoài vọng thiết tha của tâm hồn Huế+ Gửi gắm một ý tình trọn vẹn+ Ngôn ngữ tài ba, phong phú+ Từ ngữ địa phương dùng nhuần nhuyễn và phổ biến**🡺 Ca Huế là một nét nghệ thuật độc đáo của xứ Huế, các câu hò xứ Huế được hình thành, nuôi dưỡng từ cuộc sống sinh hoạt, lao động của nhân dân** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV chia lớp thành 4 nhóm và tổ chức kỹ thuật **Dạy học theo Trạm****- Trạm 1** (Nhóm 1): tìm hiểu về không gian, thời gian, cảnh vật trong đêm biểu diễn ca Huế+ **Trạm 2** (Nhóm 2): Tìm hiểu buổi biểu diễn ca Huế+ **Trạm 3** (Nhóm 3): Tìm hiểu nguồn gốc ca Huế+ **Trạm 4** (Nhóm 4): Tìm hiểu cách thưởng thức ca Huế**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS chia nhóm và hoàn thành PHT**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS báo cáo kết quả, nhận xét.**Bước 4: Kết luận, nhận định.**GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.**Thảo luận nhanh : Nêu tác dụng của việc kết hợp các yếu tố có vai trò kể chuyện, miêu tả, bộc lộ cảm xúc, bình luận,... trong văn bản**- Giúp người đọc hiểu nguồn gốc, đặc điểm, cách biểu diễn và thưởng thức ca Huế.- Thể hiện được tình cảm, thái độ của người viết và nhấn mạnh vị trí, ý nghĩa của ca Huế. | **2. Một đêm ca Huế trên sông Hương****a. Không gian, thời gian, cảnh vật****- Thời gian**: ban đêm**- Không gian**: trên một con thuyền rồng, giữa dòng sông Hương🡺 Khiến cho việc thưởng thức ca Huế thêm sinh động, lãng mạn**- Cảnh vật****+ Đêm**: Thành phố lên đèn như sao sa. Màn sương dày dần lên. Cảnh vật mờ đi trong một màu trắng đục.**+ Trăng lên**: Gió mơn man dìu dịu. Dòng sông trăng gợn sóng. Con thuyền bồng bềnh.**+ Đêm đã về khuya**: Chùa Thiên Mụ hiện ra mờ ảo, tháp Phước Duyên dát ánh trăng vàng.**+ Gần sáng**: Tiếng gà gáy bên làng Thọ Cương cùng tiếng chuông chùa Thiên Mụ gọi năm canh mà trong khoang thuyền vẫn đầy ắp lời ca tiếng nhạc.🡺 Nghệ thuật: miêu tả, từ láy, so sánh, câu văn dài ngắn đan xen🡺 Yên tĩnh, lung linh, huyền ảo, thơ mộng.**b. Biểu diễn ca Huế****\* Con người**- Ca công: rất trẻ; nam mặc áo the, quần thụng, khăn xếp; nữ mặc áo dài, khăn đóng duyên dáng- Nhạc công: *các ngón đàn trau chuốt như ngón nhấn, mổ, vỗ....***\* Dàn nhạc**: Gồm đàn tranh, đàn nguyệt, tì bà, nhị, đàn tam. Ngoài ra còn có đàn bầu, sáo và cặp sanh để gõ nhịp.**\* Âm thanh**- Bừng lên- Du dương- Trầm bổng- Réo rắt- Xao động tận đáy hồn người.**c. Nguồn gốc ca Huế**Ca Huế được hình thành, nuôi dưỡng từ dòng ca **nhạc dân gian** và **ca nhạc cung đình.**🡺 Phong phú, đa dạng; vừa sôi nổi tươi vui, vừa trang trọng, uy nghi – từ khúc điệu, thể điệu đến âm hưởng, lời ca....**d. Thưởng thức ca Huế**- Thưởng thức ca Huế trực tiếp trên thuyền rồng, vừa thưởng thức vừa ngắm cảnh vật xứ Huế.- Cảm xúc của tác giả:+ Như một lữ khách với hồn thơ lai láng, nồng hậu tình người.+ Tâm trạng chờ đợi, rộn ràng.+ Tiếng đàn làm xáo động tận đáy lòng người.+ Cảm giác như thời gian lắng đọng, không gian ngưng đọng.🡺 Nghe ca Huế là một thú vui tao nhã.🡺 Nhấn mạnh tình yêu, sự nâng niu, trân trọng và thiết tha của tác giả đối với ca Huế, xứ Huế. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trả lời câu hỏi- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  | **III. Tổng kết****1. Nghệ thuật**- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa thuyết minh, nghị luận với miêu tả, biểu cảm.- Sử dụng thành công phép liệt kê, so sánh.**2. Nội dung**- Giới thiệu cụ thể, sinh động về ca Huế - một hình thức sinh hoạt văn hoá - âm nhạc thanh lịch và tao nhã, một sản phẩm tinh thần đáng trân trọng, cần bảo tồn và phát huy. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* GV tổ chức trò chơi trắc nghiệm **NHỔ CỦ CÀ RỐT**

**1. Văn bản Ca Huế trên sông Hương được viết theo thể loại nào?**

**A. Bút kí.**

B. Truyện ngắn.

C. Tuỳ bút.

D. Tiểu thuyết.

**2. Đâu không phải nhạc cụ biểu diễn ca Huế?**

A. Đàn nguyệt.

B. Cặp sanh.

C. Đàn tì bà.

**D. Đàn t'rưng.**

**3. Ca Huế được biểu diễn trong không gian nào?**

A. Sân khấu bên bờ sông Hương.

**B. Trên thuyền rồng, xuôi dòng sông Hương.**

C. Trong cung đình Huế.

D. Khu vực sân đình, sân chùa ở Huế.

**4. Dòng nào nêu đúng lứa tuổi của các ca công biểu diễn ca Huế?**

A. Đủ mọi lứa tuổi.

**B. Rất trẻ.**

C. Thiếu nhi.

D. Đã bước vào tuổi xế chiều.

**5. Kể tên 4 khúc nhạc mở đầu đêm ca Huế.**

A. Điệu bắc, điệu nam, điệu đông, điệu tây.

**B. Lưu thuỷ, kim tiền, xuân phong, long hổ.**

C. Chèo cạn, bài thai, hò đưa linh, hò giã gạo.

D. Nam ai, nam bình, quả phụ, nam xuân.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề, củng cố bài học

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV tổ chức GÓC CHIA SẺ**: Qua văn bản “Ca Huế trên sông Hương”, trình bày cảm nhận của em về cố đô Huế, những làn điệu ca Huế và những con người tài hoa xứ Huế.

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**